

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG NHÉ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày 07/ 9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Giàng A Bách.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Xuân Phùng.**

2. Ông **Thào A Tủa.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Nhung.**

Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa:

Ông **Vũ Đình Hải.** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Đối với bị cáo: **Vàng A D** (Tên gọi khác: **Vàng A G**). Sinh năm 1984.

Nơi sinh: Xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT: Bản Huổi K 2, xã Nậm K, huyện Mường Nhé - Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: Không.

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vàng A M (đã chết) và con bà: Lý A P (đã chết).

Có vợ: Giàng Thị D và có: 04 người con; lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi;

Gia đình bị cáo không có anh, chị em ruột trong gia đình.

Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01.

Bị bắt tạm giam ngày 10 tháng 3 năm 2017. Có mặt tại phiên tòa.

*) **Nguyên đơn dân sự:** UBND xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
Ông **Lý Văn Xuân.** Phó chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

* Người phiên dịch: Anh **Thào A Vừ.**

Trú tại: Bản Nà Pán, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

NHẬN THẤY:

Bị cáo **Vàng A D** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 06 tháng 3 năm 2017 bị cáo Vàng A D một mình đi đến khu rừng bản Huổi Khon 2, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé phát rừng để làm nương. Bị cáo Vàng A D thực hiện hành vi phạm tội; công cụ gồm có một con dao phát quắm; khu rừng thuộc tiểu khu 164b, khoản 7, trạng thái rừng III a2 là rừng sản xuất thuộc địa giới hành chính xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé quản lý bảo vệ.

Ngày 09 tháng 3 năm 2017 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đến kiểm tra và khám nghiệm hiện trường tiến hành đo đạc diện tích đám rừng do Vàng A D chặt phá diện tích là: 11.640 m², tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 43,74m³ gỗ tròn nhóm V – VIII; khối lượng củi bị thiệt hại 77,92m³. Mức độ thiệt hại của khu rừng 100%, số cây gỗ có đường kính 10cm đến 24 cm, chiều dài từ 06 m đến 10 m.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản, xác định giá trị thiệt hại về gỗ của Vàng A D chặt phá gây ra tính thành tiền là : 93.140.000 đồng (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số : 46/QĐ - VKS - HS ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé truy tố bị cáo Vàng A D về tội : “ Hủy hoại rừng ” theo điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/ QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vàng A D: **03** (ba) năm **06** tháng đến **04** (năm) **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự , Điều 584,585; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vàng A D phải bồi thường thiệt hại về rừng với số tiền là: 93.140.000 đồng (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung theo qui định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vàng A D không tranh luận gì với nội dung bản luận tội cũng như cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Vàng A D chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì gia đình bị cáo rất khó khăn.

Tại phiên tòa anh Lý Văn Xuân sau khi đưa ra các tài liệu xác định khu rừng bị chặt phá là rừng sản xuất do xã quản lý; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại trên diện tích rừng với số tiền là : 93.140.000 đồng (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) cho Nhà nước và yêu cầu khoanh nuôi, bảo vệ để rừng tái sinh số diện tích rừng mà bị cáo đã chặt phá.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự.

XÉT THẤY:

Qua cuộc thẩm vấn công khai và lời khai của bị cáo **Vàng A D** tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Vào ngày 06 tháng 3 năm 2017 và các ngày tiếp theo bị cáo Vàng A D dùng dao phát quắm phát rừng sản xuất tại bản Huổi Khon 2, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé do UBND xã quản lý bảo vệ với tổng diện tích là 11.640m² rừng bị chặt phá thiệt hại là 100%. Với tổng số tiền được xác định là: 93.140.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố lời luận tội giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng số: 46/QĐ – VKS -HS ngày 03 tháng 8 năm 2017 truy tố bị cáo Vàng A D phạm tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng với qui định của pháp luật.

Bị cáo Vàng A D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Vàng A D cũng từng được nghe cán bộ Hạt kiểm lâm và chính quyền xã cũng như ở bản tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng. Như vậy bị cáo Vàng A D biết rõ thực hiện hành vi hủy hoại rừng sản xuất là vi phạm pháp luật. Song bị cáo Vàng A D đã cố ý thực hiện hành vi hủy hoại 11.640m² rừng sản xuất.

Hành vi đó của bị cáo Vàng A D đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo Vàng A D là nguy hiểm cho xã hội gây thiệt hại lớn về môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé.

Xét về lỗi của bị cáo Vàng A D thực hiện hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, gây thiệt hại về tài nguyên rừng với giá trị thiệt hại được xác định thành tiền là : 93.140.000 đồng (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo Vàng A D là nghiêm trọng. Do đó cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo Vàng A D đã gây ra để nghiêm trị hành vi phạm tội và răn đe, phòng ngừa chung trong quần chúng nhân dân biết để không vi phạm như bị cáo Vàng A D phải đứng trước phiên tòa, chịu sự phán xét của pháp luật.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cũng như tại phiên tòa bị cáo Vàng A D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra đó là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo Vàng A D sinh ra và lớn lên ở xã Khúc Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu do gia đình khó khăn nên không được đi học. Đến năm 2001 xây dựng gia đình với chị Giàng Thị Cờ làm ăn sinh sống ở địa phương. Năm 2010 xây dựng gia đình với chị Giàng Thị Dứa do chị Giàng Thị Cờ bỏ đi đâu không biết. Năm 2011 cùng gia đình chuyển đến làm ăn sinh sống tại bản Huổi Khon 2, xã Nậm

Kê, huyện Mường Nhé. Bị cáo Vàng A D nhận thức về tác hại của việc chặt phá rừng còn hạn chế. Bị cáo Vàng A D chỉ vì mục đích mưu sinh muốn có đất để sản xuất trồng lúa để lấy lương thực nuôi sống gia đình mà dẫn đến vi phạm pháp luật.

Xét thấy cần phải cách ly bị cáo Vàng A D ra khỏi đời sống xã hội, một thời gian nhất định, để cải tạo, trở thành người có ích đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong quần chúng nhân dân và những ai đang có ý định thực hiện hành vi như bị cáo bị pháp luật trừng trị, nghiêm minh.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/ QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Vàng A D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa yêu cầu của anh Lý Văn Xuân là hoàn toàn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự cần phải xem xét chấp nhận.

Căn cứ vào qui định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vàng A D còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét hoàn cảnh, kinh tế gia đình bị cáo Vàng A D; Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Nhé đã truy tìm vật chứng nhưng không thấy nên không đặt vấn đề xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTWQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vàng A D thuộc diện hộ nghèo và có đơn nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Vàng A D (Tên gọi khác: **Vàng A G**) phạm vào tội “ Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 189; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/ QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vàng A D: **42 (Bốn mươi hai)** tháng tù. Thời gian tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10 tháng 3 năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vàng A D phải bồi thường cho Nhà nước số tiền là: : 93.140.000 đồng (*Chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A D.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo Vàng A D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV&THA (TA tỉnh);
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- TB UBND xã;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Giàng A Bách

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa